



Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5361/TTr-UBND

Điện Biên, ngày 20 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao số lượng cán bộ,
công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc
các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.*

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2024, nội dung chi tiết như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, nhưng phải bảo đảm tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện không vượt quá tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này”.

Theo quy định tại khoản 4, Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, nhưng phải bảo đảm tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện không vượt quá tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này”.

2. Căn cứ thực tiễn

Hiện nay, việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động

không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh.

Ngày 10/6/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; trong đó có những điểm mới, chưa được quy định trong Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Để đảm bảo theo quy định của pháp luật và làm căn cứ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã, việc ban hành Nghị quyết giao số lượng cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên là rất cần thiết.

II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

1. Số lượng xã, phường, thị trấn

Trên địa bàn tỉnh hiện có 129 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 62 xã loại I (01 phường và 61 xã, thị trấn), 65 xã loại II (07 phường và 58 xã, thị trấn), 02 xã loại III (01 phường và 01 thị trấn).

2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh là 2.709 người (trong đó: đối với phường loại I là 23 người, loại II là 21 người, loại III là 19 người; đối với xã, thị trấn loại I là 22 người, loại II là 20 người, loại III là 18 người). Số liệu trên đã trừ chức danh Trưởng Công an xã do hiện nay 100% cấp xã đã được bố trí công an chính quy.

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tính đến ngày 31/10/2023 là 2.615 người; số chưa bố trí là 94 người, phần lớn là cán bộ cấp xã do một số đơn vị chưa bố trí được nhân sự kiện toàn, công chức cấp xã đang thực hiện quy trình tuyển dụng mới.

3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau: “Cấp xã loại I tối đa 12 người, cấp xã loại II, loại III tối đa 10 người”; theo đó số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 1.414 người; đến nay 100% cấp xã đã được bố trí công an chính quy, do đó số được bố trí tối đa theo thực tế là: 1.285 người.

Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính đến ngày 31/10/2023 là 1.243 người; số chưa bố trí là 42 người do một số đơn vị có người hoạt động không chuyên trách thôi việc, thôi giữ chức vụ,... mà chưa hoặc đang

thực hiện quy trình tuyển chọn, bầu cử bổ sung.

III. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và trên cơ sở tính toán, tổng số cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh được giao là 2.783 người, trong đó:

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 2.709 người.

- Số lượng công chức cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên là 74 người (trong đó: tăng thêm theo quy mô dân số là 15 người; tăng thêm theo quy mô diện tích tự nhiên là 59 người).

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và trên cơ sở tính toán, tổng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh là 1.742 người, trong đó:

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 1.668 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên là 74 người (trong đó: tăng thêm theo quy mô dân số là 15 người; tăng thêm theo quy mô diện tích tự nhiên là 59 người).

(Chi tiết tại Biểu số 1, 2 kèm theo).

IV. PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT

Căn cứ quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Điện Biên giai đoạn 2022-2026 được Ban Tổ chức Trung ương giao; số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có tính đến thời điểm 31/10/2023 và nhu cầu thực tế trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đề xuất việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 như sau:

1. Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 2.709 người (bằng số lượng cán bộ, công chức cấp xã đang thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP), không giao số lượng tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

* Lý do đề xuất:

- Ban Tổ chức Trung ương giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022-2026 cho tỉnh là 2.539 người, số đã bố trí thực tế hiện nay là 2.615 người, nhiều hơn so với số Trung ương giao 76 người. Nếu giao số lượng tối đa

theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP là 2.783 người thì sẽ nhiều hơn so với số Trung ương giao là 244 người.

- Việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã năm 2024 theo phân loại đơn vị hành chính vẫn đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; hệ thống chính trị cấp xã vẫn duy trì hoạt động ổn định vì số lượng giao bằng với số lượng quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND.

- Hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, do đó giữ lại một số biên chế chưa giao tối đa để dự phòng cho việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính là 1.668 người, không giao số lượng tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

* Lý do đề xuất:

- Nhằm tăng cường nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị cơ sở, bổ sung thêm một số chức danh cần thiết theo yêu cầu thực tiễn (Tuyên giáo - Dân vận và Dân tộc - Tôn giáo), qua đó nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cơ sở nhằm cụ thể hóa Đề án số 09-ĐA/TU ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đảng viên góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

- Những người có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên sẽ được hưởng mức phụ cấp cao hơn trước đây, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao tinh thần trách nhiệm, gắn bó với công việc và góp phần khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã học tập, rèn luyện nâng cao trình độ.

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

- Hiện nay, số lượng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022-2026 do Ban Tổ chức Trung ương giao cho tỉnh là 2.539 người; thấp hơn số đang làm việc thực tế là 76 người; thấp hơn số quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP là 170 người; thấp hơn số quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP là 244 người.

- Ngày 16/8/2023 Sở Nội vụ đã gửi Công văn số 1892/SNV-XDCQ&CTTN đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện nội dung về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và được Bộ Nội vụ trả lời tại Công văn số 5041/BNV-CQĐP ngày 06/9/2023, tuy nhiên không hướng dẫn cụ thể việc xác định số lượng cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP hay theo số được Ban Tổ chức Trung ương giao.

- Theo phương án đề xuất của UBND tỉnh, việc giao số lượng cán bộ, công

chức cấp xã năm 2024 như trên đang cao hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Ban Tổ chức Trung ương giao cho tỉnh giai đoạn 2022-2026. UBND tỉnh đã báo cáo Ban cán sự đảng UBND tỉnh kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề xuất Ban Tổ chức Trung ương giao bổ sung số lượng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh giai đoạn 2022-2026 theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh sẽ tiếp tục báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã những năm tiếp theo phù hợp với quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, số biên chế được giao và phù hợp với lộ trình kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế.

Trên cơ sở các nội dung đề xuất nêu trên, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận ban hành Nghị quyết giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2024 (có dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KT_q

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

Biểu số 1

**GAO SỞ LƯU QUẢN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2024**
(Kèm theo Tờ trình số 5364 /TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên)



TT	Đơn vị cấp huyện	Số lượng giao theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP		Số lượng giao theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND		Số đang thực hiện tính đến 31/10/2023		Số chưa bố trí		Số lượng giao theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP				Số lượng BTCTW giao giai đoạn 2022-2026	Phương án giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người HĐKCT ở cấp xã theo phân loại ĐVHC cấp xã năm 2024	
		cán bộ, công chức cấp xã (không tính Trưởng CA xã)	Người HĐKCT cấp xã	cán bộ, công chức cấp xã (không tính Trưởng CA xã)	Người HĐKCT cấp xã (không tính Phó Trưởng CA xã)	cán bộ, công chức cấp xã	Người HĐKCT cấp xã	cán bộ, công chức cấp xã	Người HĐKCT cấp xã	cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại ĐVHC	Người HĐKCT cấp xã theo phân loại ĐVHC	Tăng thêm theo quy mô dân số	Tăng thêm theo diện tích tự nhiên			
Tổng		2.709	1.668	2.709	1.285	2.615	1.243	94	42	2.709	1.668	15	59	2.539	2.709	1.668
1	Thành phố Điện Biên Phủ	253	150	253	116	238	112	15	4	253	150	2	0		253	150
2	Huyện Điện Biên	448	280	448	217	423	212	25	5	448	280	4	8		448	280
3	Huyện Điện Biên Đông	294	182	294	140	285	140	9	0	294	182	2	6		294	182
4	Huyện Mường Chà	250	154	250	118	250	118	0	0	250	154	0	9		250	154
5	Thị xã Mường Lay	64	38	64	29	60	25	4	4	64	38	0	7		64	38
6	Huyện Nậm Pồ	316	196	316	151	308	147	8	4	316	196	0	9		316	196

TT	Đơn vị cấp huyện	Số lượng giao theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP		Số lượng giao theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND		Số đang thực hiện tính đến 31/10/2023		Số chưa bố trí		Số lượng giao theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP				Số lượng BTC/TW giao giai đoạn 2022-2026	Phương án giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người HDKCT ở cấp xã theo phân loại ĐVHC cấp xã năm 2024	
		cán bộ, công chức cấp xã (không tính Trưởng CA xã)	Người HDKCT cấp xã	cán bộ, công chức cấp xã (không tính Trưởng CA xã)	Người HDKCT cấp xã	cán bộ, công chức cấp xã	Người HDKCT cấp xã	cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại ĐVHC	Người HDKCT cấp xã theo phân loại ĐVHC	Tăng thêm theo quy mô dân số	Tăng thêm theo diện tích tự nhiên					
7	Huyện Mường Nhé	234	146	234	113	229	109	5	4	234	146	2	17		234	146
8	Huyện Mường Ảng	204	124	204	96	204	93	0	3	204	124	1	0		204	124
9	Huyện Tuần Giáo	394	242	394	185	372	167	22	18	394	242	3	3		394	242
10	Huyện Tủa Chùa	252	156	252	120	246	120	6	0	252	156	1	0		252	156

Biểu số 2

**TỔNG HỢP PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, DÂN SỐ, DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN,
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN CHỨC TRÁCH CẤP XÃ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Tờ trình số 5361 /TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐVHC cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐVHC ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐVHC ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
I	Cấp xã					2.709	1.668	15	59
1	Xã Thanh Minh	Thành phố Điện Biên Phủ	II	3.394	40,17	20	12		
2	Xã Nà Nhạn		I	5.550	75,99	22	14		
3	Xã Nà Tấu		I	6.877	74,63	22	14		
4	Xã Pá Khoang		II	4.694	55,97	20	12		
5	Xã Mường Phăng		I	5.685	34,74	22	14		
6	Phường Him Lam		I	12.334	6,12	23	14	1	
7	Phường Noong Bua		II	7.104	3,30	21	12		
8	Phường Tân Thanh		II	9.387	1,27	21	12		
9	Phường Mường Thanh		II	11.093	1,68	21	12	1	
10	Phường Thanh		III	5.005	0,78	19	10		

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐHKCT ở cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
	Bình								
11	Phường Thanh Trường		II	7.447	6,73	21	12		
12	Phường Nam Thanh		II	8.650	5,15	21	12		
13	Xã Lay Nưa	Thị xã Mường Lay	I	5.464	60,45	22	14		
14	Phường Sông Đà		II	1.035	29,32	21	12		4
15	Phường Na Lay		II	5.473	22,88	21	12		3
16	Xã Thanh Hưng	Huyện Điện Biên	I	7.077	19,63	22	14		
17	Xã Thanh Chấn		I	5.688	22,19	22	14		
18	Xã Thanh Nưa		I	4.570	26,35	22	14		
19	Xã Na Ú		II	1.981	113,81	20	12		1
20	Xã Thanh Luông		I	7.550	35,35	22	14	1	
21	Xã Hua Thanh		I	4.078	73,45	22	14		
22	Xã Mường Lói		I	2.558	159,52	22	14		2
23	Xã Mường Nhà		I	4.584	158,82	22	14		2
24	Xã Na Tông		I	4.957	142,60	22	14		1
25	Xã Pa Thơm		II	1.325	89,08	20	12		
26	Xã Mường Pồn		I	5.279	128,84	22	14		1

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người HĐKCT ở cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người HĐKCT ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người HĐKCT ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
27	Xã Phú Lương		I	2.440	144,66	22	14		1
28	Xã Hệ Muông		II	3.098	73,54	20	12		
29	Xã Pom Lót		I	6.126	42,31	22	14		
30	Xã Núa Ngam		II	3.901	48,64	20	12		
31	Xã Thanh Yên		I	8.284	19,78	22	14	1	
32	Xã Noong Luống		II	6.155	21,24	20	12		
33	Xã Thanh An		I	7.123	19,41	22	14		
34	Xã Sam Mún		II	5.479	24,45	20	12		
35	Xã Thanh Xương		I	9.072	19,11	22	14	1	
36	Xã Noong Hệt		II	8.690	13,37	20	12	1	
37	Thị trấn Tuần Giáo	Huyện Tuần Giáo	I	7.980	17,21	22	14		
38	Xã Phình Sáng		I	6.633	88,15	22	14		
39	Xã Rạng Đông		II	3.804	38,11	20	12		
40	Xã Mùn Chung		II	4.152	42,40	20	12		
41	Xã Nà Tông		II	2.873	37,55	20	12		
42	Xã Ta Ma		II	4.252	107,02	20	12		1
43	Xã Mường Mùn		I	6.130	88,90	22	14		
44	Xã Pú Xi		II	3.830	121,54	20	12		1

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐHKCT ở cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
45	Xã Pú Nhung		II	4.113	64,80	20	12		
46	Xã Quài Nưa		I	6.815	52,16	22	14		
47	Xã Mường Thín		II	2.872	61,16	20	12		
48	Xã Tà Tả		II	2.614	65,05	20	12		
49	Xã Nà Sáy		II	3.066	31,40	20	12		
50	Xã Mường Khong		II	3.754	107,16	20	12		1
51	Xã Quài Cang		I	8.920	39,12	22	14	1	
52	Xã Quài Tở		I	10.209	60,12	22	14	2	
53	Xã Chiềng Sinh		II	5.378	18,29	20	12		
54	Xã Chiềng Đông		I	6.146	38,35	22	14		
55	Xã Tênh Phóng		II	1.706	56,84	20	12		
56	Thị trấn Tòa Chùa		I	8.410	14,49	22	14		
57	Xã Mường Báng		I	6.010	56,29	22	14		
58	Xã Xá Nhè		I	7.722	61,16	22	14	1	
59	Xã Mường Đun		II	4.236	37,56	20	12		
60	Xã Tòa Thàng	Huyện Tòa Chùa	I	5.863	87,51	22	14		
61	Xã Huổi Sỏ		II	2.962	63,41	20	12		
62	Xã Tả Phìn		II	4.071	50,88	20	12		

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐHKCT ở cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
63	Xã Tả Sìn Thàng		II	4.259	50,49	20	12		
64	Xã Sín Chải		I	5.244	88,74	22	14		
65	Xã Lao Xả Phình		II	2.651	49,90	20	12		
66	Xã Trung Thu		II	3.683	53,52	20	12		
67	Xã Sính Phình		I	7.184	70,13	22	14		
68	Thị trấn Mường Chà	Huyện Mường Chà	II	3.886	22,15	20	12		
69	Xã Sả Tổng		I	6.038	110,00	22	14		1
70	Xã Mường Tùng		I	5.315	170,83	22	14		2
71	Xã Hừa Ngải		II	4.371	103,63	20	12		1
72	Xã Huổi Mí		II	4.165	139,27	20	12		1
73	Xã Pa Ham		II	3.332	32,21	20	12		
74	Xã Nậm Nèn		II	3.119	35,73	20	12		
75	Xã Huổi Lèng		II	3.599	108,10	20	12		1
76	Xã Sa Lông		II	3.947	84,78	20	12		
77	Xã Ma Thì Hồ		I	5.054	135,31	22	14		1
78	Xã Na Sang		I	5.579	117,91	22	14		1
79	Xã Mường Mươn		I	4.932	129,92	22	14		1

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐHKCT ở cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐHKCT ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
80	Trị trấn Điện Biên Đông	Huyện Điện Biên Đông	II	3.216	23,97	20	12		
81	Xã Chiềng Sơ		I	6.150	61,82	22	14		
82	Xã Mường Luôn		II	4.344	61,16	20	12		
83	Xã Luồn Giới		I	5.461	63,24	22	14		
84	Xã Hàng Lìa		II	3.003	63,44	20	12		
85	Xã Tà Tả Dình		II	3.966	103,32	20	12		1
86	Xã Phì Nhừ		I	7.994	124,88	22	14	1	1
87	Xã Xa Dung		I	7.130	90,62	22	14		
88	Xã Na Son		II	4.127	66,11	20	12		
89	Xã Phình Giăng		II	4.344	103,99	20	12		1
90	Xã Pú Hồng		I	5.575	122,38	22	14		1
91	Xã Keo Lôm		I	7.612	140,63	22	14	1	1
92	Xã Noong U		II	3.642	73,80	20	12		
93	Xã Pú Nhi		I	6.002	107,42	22	14		1
94	Xã Si Pa Phìn		I	6.346	129,57	22	14		1
95	Xã Phìn Hồ	Huyện Nậm Pồ	I	4.084	112,08	22	14		1
96	Xã Chà Nưa		I	3.032	101,17	22	14		1
97	Xã Chà Cang		II	2.820	108,31	20	12		1

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐVHC cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐVHC ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐVHC ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
98	Xã Chà Tở		II	2.986	123,25	20	12		1
99	Xã Nậm Khăn		II	2.074	104,67	20	12		1
100	Xã Pa Tàn		II	3.314	165,92	20	12		2
101	Xã Na Có Sa		I	6.523	125,50	22	14		1
102	Xã Nậm Nhừ		I	3.809	59,71	22	14		
103	Xã Nà Khoa		II	3.503	65,34	20	12		
104	Xã Nậm Tín		II	4.102	86,88	20	12		
105	Xã Nà Hỳ		I	5.514	81,84	22	14		
106	Xã Nậm Chua		II	2.792	68,75	20	12		
107	Xã Vàng Đán		I	3.879	84,55	22	14		
108	Xã Nà Búng	Huyện Mường Nhé	I	5.550	77,97	22	14		
109	Xã Sín Thầu		I	1.515	162,84	22	14		2
110	Xã Chung Chải		I	6.235	210,21	22	14		3
111	Xã Leng Su Sìn		I	3.353	179,97	22	14		2
112	Xã Sen Thượng		I	1.124	173,61	22	14		2
113	Xã Mường Nhé		I	11.503	217,41	22	14	2	3
114	Xã Nậm Vĩ		II	4.319	61,85	20	12		
115	Xã Mường Toong		I	7.340	113,58	22	14		1

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Phân loại ĐVHC cấp xã	Dân số hiện có (người) tính đến 31/12/2022	Diện tích (km ²) tính đến 31/12/2022	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng người ĐVHC ở cấp xã giao theo phân loại ĐVHC cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số lượng công chức cấp xã và người ĐVHC ở cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số (người)	Số lượng công chức cấp xã và người ĐVHC ở cấp xã tăng thêm theo diện tích tự nhiên (người)
116	Xã Huổi Léch		II	3.294	117,11	20	12		1
117	Xã Nậm Kè		I	5.552	153,03	22	14		2
118	Xã Pá Mý		II	2.980	71,67	20	12		
119	Xã Quảng Lâm		II	3.187	107,75	20	12		1
120	Thị trấn Mường Ảng		III	5.256	6,62	18	10		
121	Xã Ngòi Cáy		II	3.408	48,14	20	12		
122	Xã Mường Đắng		II	4.215	65,78	20	12		
123	Xã Ảng Nưa		II	4.071	24,91	20	12		
124	Xã Ảng Cang		I	8.002	54,41	22	14	1	
125	Xã Ảng Tờ		I	6.664	59,69	22	14		
126	Xã Nậm Lịch	Huyện Mường Ảng	II	3.226	35,62	20	12		
127	Xã Mường Lạn		II	4.431	40,60	20	12		
128	Xã Xuân Lao		II	5.592	59,79	20	12		
129	Xã Búng Lao		I	6.506	47,81	22	14		